

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 94/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn N, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: - Chị Đặng Thị T, sinh năm 1976

- Anh La Văn P, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHHTT: Thôn H, xã M Phú, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Nơi ở và làm việc hiện nay: Thôn 11, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh La Văn P, chị Đặng Thị T phải trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền là 460.663.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Thời hạn trả là ngày 10/12/2019.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 5.606.500đ (Năm triệu, sáu trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 11.500.000đ tạm ứng án phí anh M đã nộp. Hoàn trả anh Nguyễn Văn M 5.893.500đ (Năm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: AA/2017/0004345 ngày 16/10/2019.

Anh La Văn P, chị Đặng Thị T phải chịu 5.606.500đ (Năm triệu, sáu trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh La Văn P, chị Đặng Thị T không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng anh La Văn P, chị Đặng Thị T còn phải trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huân